

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/DS-PT

Ngày: 02-8-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và  
yêu cầu di dời tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tổng Văn Viên.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung.

Ông Đặng Văn Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mộng Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2022/TLPT-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời tài sản trên đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trí D, sinh năm 1991; Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Lý Thị S, sinh năm 1960 (vắng mặt).

2. Bà Lý Thị P, sinh năm 1962 (vắng mặt).

3. Bà Lý Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N: Bà Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1995; Địa chỉ: số 192 đường Phạm Ngũ Lão khóm C, phường D, thành phố V, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền ngày 04/7/2022 và ngày 14/7/2022 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Thạch N1, sinh năm 1973; Địa chỉ: khóm E, phường F, thành phố V, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

2. Bà Phan Thị H, sinh năm 1995; Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lý Thị S, Bà Lý Thị P và bà Lý Thị N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trí D trình bày:* Nguồn gốc thửa đất số thửa 643, tờ bản đồ số 3, diện tích  $61,4m^2$ , loại đất CLN tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh do ông Nguyễn Trí D nhận chuyển nhượng từ ông Thạch N1 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017. Trong quá trình sử dụng thì bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N là hộ sử dụng đất liền kề đã sử dụng lấn qua phần đất của ông có hình tam giác sát đường đaml có diện tích khoảng  $10m^2$  thuộc một phần thửa đất số 643 nêu trên. Hiện trạng gia đình bà Sương đã chôn cọc bê tông, rào lưới kẽm B40, chôn cọc điện, làm hố ga thoát nước, trồng cây cảnh trên phần đất tranh chấp. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh giải quyết buộc bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N tháo dỡ và di dời toàn bộ tài sản trên phần đất tranh chấp để trả lại cho ông diện tích đất khoảng  $10m^2$  nằm trong tổng diện tích  $61,4m^2$  thuộc thửa 643 loại đất CLN, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn bà Lý Thị S trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp khoảng  $10m^2$  liền kề với đất của ông Nguyễn Trí D là nằm trong thửa đất số 714 là của bà S đứng tên quyền sử dụng đất. Từ lâu bà đã sử dụng làm hố ga thoát nước thải, chôn cọc điện sinh hoạt của gia đình. Đến năm 2017 ông Thạch N1 chủ thửa đất liền kề với bà đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trí D để xây nhà ở. Khi chuyển nhượng có trụ ranh rõ ràng nhưng khi xây dựng nhà ở thì ông Nguyễn Trí D đã tự ý tháo dỡ cột ranh, cố ý lấn chiếm phần đất diện tích đất hình tam giác khoảng  $10m^2$  của bà. Ngoài ra, ông D còn sử dụng một phần đất của bà tiếp giáp phần đất tranh chấp sát với nhà ông D chạy dài ra đến đường Vành Đai (đường Võ Văn Kiệt) có diện tích khoảng  $08m^2$  nên bà S có đơn yêu cầu ông D phải di dời tài sản trên phần đất này để trả lại cho bà diện tích đất khoảng  $08m^2$  nêu trên, tổng diện tích đất bà S yêu cầu ông D trả lại cho gia đình bà là  $18m^2$  nằm trong tổng diện tích  $370m^2$  thuộc thửa đất số 714 loại đất ở, cây lâu năm, tờ bản đồ số 6 tọa lạc khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn bà Lý Thị N, bà Lý Thị P thống nhất với trình bày và yêu cầu của bà S.*

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trí D.

Buộc bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N phải có nghĩa vụ di dời toàn bộ tài sản trên phần A gồm: 01 cây trụ điện, hồ ga thoát nước thải có nắp đậy, 01 cây ngâu, 01 cây nhãn và hàng rào trụ bê tông lưới B40 ra khỏi phần A để giao trả cho ông Nguyễn Trí D quyền sử dụng đất diện tích đất 9,7m<sup>2</sup> (phần A theo sơ đồ bản vẽ) nằm trong tổng diện tích 61,4m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 643 loại đất CLN tờ bản đồ số 3 tọa lạc khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh. Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp phần A1 có số đo 0,17m và 5,73m.
- Hướng tây giáp phần C1, C2 có số đo 3,00m và 2,37m.
- Hướng nam giáp phần D có số đo 3,48m.
- Hướng bắc giáp phần B1 có số đo 0,26m (kèm theo sơ đồ bản vẽ).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trí D hỗ trợ cho bà S, bà P, bà N 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền di dời tài sản trên đất tranh chấp.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lý Thị S, bà Lý Thị N, bà Lý Thị P về yêu cầu ông Nguyễn Trí D di dời tài sản trả các bà quyền sử dụng đất diện tích 18m<sup>2</sup> (thực đo 10,9m<sup>2</sup> theo sơ đồ bản vẽ là phần A + phần B1 diện tích 1,2m<sup>2</sup>) thuộc một phần thửa 643 tờ bản đồ số 3 Loại đất CLN tọa lạc khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

Phần đất có tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp phần B, phần A1 có số đo 9,39m; 0,17m và 5,73m.
- Hướng tây giáp phần C1, C2 có số đo 9,39m; 3,00m và 2,37m.
- Hướng nam giáp phần D có số đo 3,48m.

Phần B1 diện tích 1,2m<sup>2</sup> và tài sản nằm trên phần B1 của ông Nguyễn Trí D gồm: Nền láng xi măng, một phần mái tole kết cấu giá đỡ sắt tiền chế, một phần đầu ống nhựa 50cm hộ ông D tiếp tục quản lý sử dụng.

Đối với phần A1 diện tích 10.5m<sup>2</sup> và phần B diện tích 11.6m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông và trên phần B có 01 cây trụ điện (do bà S quản lý sử dụng) là thuộc đất giao thông; ông D cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Thạch N1 không có yêu cầu gì và ông D cũng không có yêu cầu gì đối với ông N1 nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/4/2022 bị đơn Bà Lý Thị S, Bà Lý Thị P và bà Lý Thị N kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, theo hướng chấp nhận yêu cầu của

bà yêu cầu ông Nguyễn Trí D phải di dời toàn bộ tài sản trên đất và trả lại cho bà diện tích  $18\text{m}^2$  (thực đo  $10,9\text{m}^2$ ), thửa số 643, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh. Bà Lý Thị S, Bà Lý Thị P và bà Lý Thị N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trí D yêu cầu bà trả lại diện tích  $9,7\text{m}^2$ , thửa số 643, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay: Ông Nguyễn Trí D, bà Nguyễn Thị Hồng P1 và bà Phan Thị H thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể: Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 449/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 01/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh thì bị đơn bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N đồng ý giao trả phần A diện tích  $3,9\text{m}^2$  và phần D diện tích  $1,3\text{m}^2$  thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3 cho nguyên đơn ông Nguyễn Trí D quản lý, sử dụng. Nguyên đơn ông Nguyễn Trí D và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H đồng ý giao cho bị đơn bà Lý Thị S quản lý, sử dụng phần E diện tích  $5,8\text{m}^2$ , thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3. Phần đất còn lại các đương sự không tranh chấp. Về tài sản gắn liền với đất các đương sự thống nhất tài sản trên đất thuộc phần đất của ai thì người đó quản lý, sử dụng và các bên đương sự không có yêu cầu bồi thường. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn ông D và bị đơn bà Lý Thị N mỗi người chịu 50%. Bị đơn bà Lý Thị S tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định phúc thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay các đương sự thống nhất được với nhau về việc giải quyết, sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên công nhận sự tự nguyện của án đương sự về việc bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N đồng ý giao trả phần A diện tích  $3,9\text{m}^2$  và phần D diện tích  $1,3\text{m}^2$  thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3 cho ông Nguyễn Trí D quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Trí D, bà Phan Thị H đồng ý giao cho bà Lý Thị S quản lý, sử dụng phần E diện tích  $5,8\text{m}^2$ , thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3 nên công nhận phần đất này cho bà Lý Thị S. Về tài sản gắn liền với đất các đương sự thống nhất tài sản trên đất thuộc phần đất của ai thì người đó quản lý, sử dụng và các bên đương sự không có yêu cầu bồi thường. Về án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn ông D và bị đơn bà Lý Thị N mỗi người chịu 50%. Bị đơn bà Lý Thị S tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định phúc thẩm. Do đó, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Thạch N1 là người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Thạch N1 vắng mặt và việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Thạch N1 nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 449/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 01/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh thì bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N đồng ý giao trả phần A diện tích 3,9m<sup>2</sup> và phần D diện tích 1,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Trí D quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Trí D, bà Phan Thị H đồng ý giao cho bà Lý Thị S quản lý, sử dụng phần E diện tích 5,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3. Phần đất còn lại các đương sự không tranh chấp. Về tài sản gắn liền với đất các đương sự thống nhất tài sản trên đất thuộc phần đất của ai thì người đó quản lý, sử dụng và các bên đương sự không có yêu cầu bồi thường. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nguyên đơn ông Nguyễn Trí D và bị đơn bà Lý Thị N mỗi người chịu 50%. Bị đơn bà Lý Thị S tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm là 12.865.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định phúc thẩm là 2.325.391 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Phần B, diện tích 0,5m<sup>2</sup> thuộc đất giao thông và các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Từ các nhận định và phân tích nêu trên, ý kiến của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về chi phí thẩm định, định giá cấp sơ thẩm là 12.865.000 đồng. Bị đơn bà Lý Thị S phải chịu 12.865.000 đồng chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền bà Lý Thị S đã nộp tạm ứng 8.000.000 đồng nên bà Lý Thị S phải nộp thêm 4.865.000 đồng tại cơ quan thi hành án. Ông Nguyễn Trí D không phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Trí D đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng nên ông Nguyễn Trí D được nhận lại số tiền 4.865.000 đồng sau khi cơ quan thi hành án thu của bà Lý Thị S. Đối với số tiền

còn lại 135.000 đồng ông Nguyễn Trí D được nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[6] Về chi phí thẩm định cấp phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Trí D phải chịu 2.325.391 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng nên ông Nguyễn Trí D được nhận lại số tiền 674.609 đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Trí D phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002653 ngày 22/04/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên ông Nguyễn Trí D được nhận lại số tiền còn thừa 150.000 đồng. Bà Lý Thị S phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng bà Lý Thị S là người cao tuổi, có làm đơn xin miễn nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Lý Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006249 ngày 07/01/2020 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006340 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng bà Lý Thị S là người cao tuổi, có làm đơn xin miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 12, 14, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Bà Lý Thị S được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lý Thị P, bà Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010094 ngày 06/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, nên bà Lý Thị P, bà Lý Thị N đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Trí D, bà Nguyễn Thị Hồng P1 và bà Phan Thị H như sau:

- Bị đơn bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N đồng ý giao trả phần A diện tích 3,9m<sup>2</sup> và phần D diện tích 1,3m<sup>2</sup> thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với phần đất cho nguyên đơn ông Nguyễn Trí D được quyền quản lý, sử dụng.

- Công nhận cho bị đơn bà Lý Thị S được quyền quản lý, sử dụng phần E diện tích 5,8m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 643, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại khóm A, phường B, thành phố V, tỉnh Trà Vinh và tài sản gắn liền với phần đất.

*(Theo sơ đồ khu đất kèm theo Công văn số: 449/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 01/8/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh)*

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai, đăng ký, thực hiện nghĩa vụ tài chính, làm các thủ tục xin điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án khi có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí thẩm định, định giá cấp sơ thẩm là 12.865.000 đồng. Buộc bà Lý Thị S phải chịu 12.865.000 đồng chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền bà Lý Thị S đã nộp tạm ứng 8.000.000 đồng nên bà Lý Thị S phải nộp thêm 4.865.000 đồng tại cơ quan thi hành án. Ông Nguyễn Trí D không phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá sơ thẩm nhưng ông Nguyễn Trí D đã nộp tạm ứng số tiền 5.000.000 đồng nên ông Nguyễn Trí D được nhận lại số tiền 4.865.000 đồng sau khi cơ quan thi hành án thu của bà Lý Thị S. Đối với số tiền còn lại 135.000 đồng ông Nguyễn Trí D được nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Về chi phí thẩm định cấp phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Trí D phải chịu 2.325.391 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 3.000.000 đồng nên ông Nguyễn Trí D được nhận lại số tiền 674.609 đồng tại Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Trí D phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002653 ngày 22/04/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nên ông Nguyễn Trí D được nhận lại số tiền còn thừa 150.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Bà Lý Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lý Thị S, bà Lý Thị P, bà Lý Thị N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006249 ngày 07/01/2020 và số tiền 300.000 đồng theo

biên lai thu tiền số 0006340 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị S được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Bà Lý Thị P, bà Lý Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010094 ngày 06/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, nên bà Lý Thị P, bà Lý Thị N đã nộp xong.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tổng Văn Viên**